TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2018
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Thanh Danh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Miên.
2. Ông Võ Tấn Phước.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thúy Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa*: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 08 năm 2018 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXX- ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Ngọc D**, sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: số 6, khóm 8, phường 5, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Lê Minh D1** , sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 17, xã VH, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Lê Thị C**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: số 6, khóm 8, phường 5, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: số 246 tỉnh lộ 38, khóm 7, phường 5, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh **Nguyễn Phương A**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường số 3, khóm 3, phường 2, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị D, anh D1, chị C có mặt; anh Phương A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2018 , các bản khai và tại tòa, nguyên đơn là chị Lê Ngọc D trình bày: Chị D và anh Lê Minh D1 xây dựng hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 30/3/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình

chung sống chị và anh D1 có 01 con chung, cháu tên là Lê Minh Thảo M, sinh ngày 01/10/2017 hiện đang sống với chị tại phường 5, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu. Vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung: nợ anh Nguyễn Phương A số tiền 14.000.000 đồng, nợ chị Lê Thị C 20.000.000 đồng, nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Bạc Liêu số tiền 27.000.000 đồng, các khoản nợ này chị vay khi mang thai và chi phí cho việc nuôi dưỡng cháu M. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh D1 là do anh D1 không có trách nhiệm với gia đình, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Trong thời gian ly thân với nhau vợ chồng chị không tìm nhau để hàn gắn quan hệ hôn nhân mà mỗi người tự tìm hạnh phúc riêng cho mình. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh D1 và yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Minh Thảo M, chị yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung không có, nợ chung chị yêu cầu anh D1 phải trả 2/3 số nợ chung nhưng tại tòa chị yêu cầu chia đôi nợ, mỗi người trả 1/2. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Bị đơn là anh Lê Minh D1 trình bày: Anh D1 thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của chị Lê Ngọc D về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng. Tuy nhiên, anh không biết gì đối với khoản nợ chị Lê Thị C số tiền 20.000.000 đồng, nợ anh Nguyễn Phương A số tiền 14.000.000 đồng, nợ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bạc Liêu số tiền 27.000.000 đồng. Về tài sản chung: trong thời gian tổ chức lễ cưới, vợ chồng anh được gia đình anh cho 1,2 lượng vàng 24K, hiện số vàng này chị D đang quản lý. Do vợ chồng anh bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc; vợ chồng anh cũng đã ly thân khoảng khoảng 01 năm nay. Từ khi ly thân với nhau đến nay vợ chồng anh không tìm nhau để hàn gắn quan hệ hôn nhân mà mỗi người tự tìm hạnh phúc riêng cho mình.Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị D và giao con chung là cháu Lê Minh Thảo M, sinh ngày 01/10/2017 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D. Trường hợp chị D không đủ điều kiện nuôi cháu M thì sẽ đón cháu M về nuôi dưỡng. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: anh không đồng ý cùng chị D trả số nợ trên. Ngoài ra, anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị C trình bày: Vào khoảng tháng 3/2017, chị có cho chị D vay tiền nhiều lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với mục đích là để làm chi phí nuôi dưỡng cháu M. Đến ngày 10/5/2018, chị mới làm giấy nhận nợ với chị D. Kể từ thời điểm cho vay, chị D chưa trả cho chị khoản tiền nào. Nay chị yêu cầu anh Lê Minh D1 và chị Lê Ngọc D trả cho chị số tiền 20.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/5/2018, kể cả lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Ngoài ra, chị không còn ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Phương A đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật đến lần thứ 3 nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình.

Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bạc Liêu trình bày (Công văn số 526/CV-NHCS ngày 17/9/2018): Vào ngày 13/9/2017, chị Lê Ngọc D có vay số tiền 27.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bạc Liêu. Hiện nay, khoản vay trên vẫn đang trả lãi hàng tháng và lưu hành bình thường, chưa đến thời hạn trả nợ cuối cùng, do đó Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bạc Liêu không khởi kiện. Nếu đến kì

hạn cuối cùng mà chị Lê Ngọc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thu hồi nợ cho vay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Ngọc D và anh Lê Minh D1; ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Minh D1 đồng ý giao cháu Lê Minh Thảo M cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; buộc anh Lê Minh D1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh Thảo M mỗi tháng 695.000đ cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Anh D1 được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Lê Thị C đòi chị D và anh D1 trả số tiền 20.000.000 đồng; buộc chị Lê Ngọc D và anh Lê Minh D1 có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị C số tiền 20.000.000 đồng. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Lê Ngọc D và bị đơn là anh Lê Minh D1 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Đối với anh Nguyễn phương A, đã được Tòa án tống đạt theo quy định của pháp luật đến lần thứ 3 nhưng vẫn vắng mặt cũng như không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình; tòa án căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc D và anh Lê Minh D1 xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị D và anh D1 là hợp pháp được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống chị D và anh D1 không quan tâm xây dựng hạnh phúc, yêu thương nhau mà thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng chị D, anh D1 sống ly thân khoảng 01 năm, anh D1 sống tại ấp 17, xã VH, huyện HB; còn chị D sống tại phường 5, thành phố BL và trong thời gian sống ly thân đến nay chị D và anh D1 không có biện pháp nào hàn gắn quan hệ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D1, đồng thời anh D1 cũng đồng ý ly hôn với chị D và không bên nào muốn hàn gắn; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh D1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Ngọc D và anh Lê Minh D1.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D và anh D1 có 01 con chung là cháu Lê Minh Thảo M, sinh ngày 01/10/2017 đang sống với chị D. Chị D có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M; yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Phía anh D1 cũng đồng ý giao cháu M cho chị D nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi sự

thỏa thuận của chị D và anh D1 về việc chị D1 là người trực tiếp nuôi cháu M. Anh D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị D yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi cháu M với mức cấp dưỡng 2.000.000/tháng. Tuy nhiên, anh D1 không đồng ý cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Do chị D và anh D1 thỏa thuận chị D là người trực tiếp nuôi cháu M nên anh D1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M với mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 695.000 đồng (1.390.000 đồng/2 = 695.000 đồng) cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: chị D và anh D1 thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Đối với yêu cầu của chị Lê Thị C yêu cầu chị D và anh D1 trả số tiền 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời trình bày của chị D thì từ khi mang thai và ly thân đến nay anh D1 chỉ đưa cho chị nhiều lần số tiền khoảng 3.000.000đ không đủ cho chi phí sinh hoạt của chị và con chị; trong khi chị công tác tại khóm (ấp) thu nhập chỉ hơn 1.000.000đ/tháng ngoài ra chị không có khoản thu nào khác nên không thể đủ chi phí sinh hoạt cho chị và con. Bản thân anh D1 thừa nhận trong thời gian ly thân anh không đưa tiền cho chị. Dù anh D1 không thừa nhận nhưng chị D thừa nhận và chị C xuất trình "*Giấy cho vay tiền"* đề ngày 10/5/2018 có chữ ký của chị D có thể hiện mục đích vay là để nuôi dưỡng cháu M. Do đó, yêu cầu của chị C là có căn cứ chấp nhận và buộc anh D1 chị D phải trả cho chị C số tiền 20.000.000đ (mỗi người trả 10.000.000đ) .

Đối với anh Nguyễn Phương A đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật đến lần thứ 3 nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bạc Liêu có ý kiến bằng văn bản thể hiện không khởi kiện đối với vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ, được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Chị Lê Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 500.000 đồng. Anh Lê Minh D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Cấp dưỡng) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 2 Điều 227; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điểm a khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Ngọc D và anh Lê Minh D1.

2. Về quan hệ con chung: Chị D được quyền tiếp tục nuôi cháu Lê Minh Thảo M, sinh ngày 01/10/2017; anh D1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 695.000 đồng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi (Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật). Anh D1 có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu của Lê Thị C đòi chị Lê Ngọc D và anh Lê Minh D1;

Buộc chị Lê Ngọc D và anh Lê Minh D1 có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị C số tiền 20.000.000 đồng (mỗi người trả 10.000.000đ)

4. Về án phí: Chị Lê Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014394 ngày 17/8/2018 được đối trừ; chị D còn phải nộp 500.000đ.

Anh Lê Minh D1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Cấp dưỡng), 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Lê Thị C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014446 ngày 19/9/2018. Chị C được nhận lại đủ số tiền nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu A,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:

(Đã ký)

LÊ THANH DANH